

BI VĂN NÚI DỤC THUY (NINH BÌNH) HAY “CUỘC CHIẾN PHẬT - NHO” VÀO CUỐI THỜI TRẦN

NGUYỄN MẠNH CƯỜNG^(*)

Những phát hiện và chú giải của GS. Hà Văn Tấn về những cột kinh Hoa Lư⁽¹⁾ thật là vĩ đại và bản thân tôi cũng thầm ao ước sẽ viết được một cái gì đó về Phật giáo Hoa Lư (Ninh Bình). Quả thật ước mơ là như vậy. Song để thực hiện nó không phải dễ.

Được sự giúp đỡ của các đồng nghiệp trong Viện Nghiên cứu Tôn giáo cũng như Bảo tàng tỉnh Ninh Bình, tôi đã đến thăm nhiều ngôi chùa trong tỉnh mà gần đây nhất là thăm chùa Bái Đính nhân dịp du xuân Mậu Tý (2008). Cho dù công trình còn ngổn ngang với khá nhiều hạng mục chưa hoàn thành song trước mắt chúng ta đã bước đầu hiện ra diện mạo thật sự hoành tráng của khu di tích Phật giáo này.

Toà Tam bảo với 3 pho tượng Phật lớn, tuy còn khá nhiều ý kiến chuyên môn khác nhau, tôi vẫn tin rằng không bao lâu nữa đây sẽ là một trung tâm Phật giáo của tỉnh Ninh Bình; cũng như đây sẽ là một trung tâm du lịch tâm linh thu hút khá nhiều người đến thăm quan, vãng cảnh không thua kém gì những trung tâm Phật giáo khác như Yên Tử (Quảng Ninh), Chùa Non (Sóc Sơn - Hà Nội), Tây Thiên (Vĩnh Phúc), v.v...

Dù khách hành hương an toạ tại Tam bảo chùa Bái Đính hay đứng từ phía dưới nhìn lên toà Tam bảo lừng lững, người ta vẫn cảm nhận thấy linh khí và một trường năng lượng khá đặc biệt phát ra từ lòng mảnh đất này. Quả là một thế đất đắc địa cho một ngôi chùa vĩ đại. Trên đường từ Bái Đình về Hà Nội, tôi thăm thán phục các vị tiền nhân đã chọn được một vị thế đắc địa cho sự phát triển của Phật giáo Ninh Bình trong tương lai.

*
* *

Trở lại với lịch sử, khi Hoa Lư được chọn làm kinh đô đã có rất nhiều nhà sư yêu nước theo về giúp cho Đinh Tiên Hoàng mở nước. Bên trong Hoa Lư và các khu vực phụ cận của Ninh Bình còn phát hiện được khá nhiều những di vật khảo cổ Phật giáo như 02 cột kinh chùa Hoa Lư cùng những dấu tích khác như mách bảo sự phát triển khá rực rỡ của Phật giáo Việt Nam thế kỉ X.

^{*}. TS., Viện Nghiên cứu Tôn giáo.

1. Xin xem Hà Văn Tấn: - *Từ một cột kinh Phật năm 973 vừa phát hiện ở Hoa Lư*. Trong cuốn: *Theo dấu các văn hoá cổ*, Nxb. KHXH, Hà Nội 1997, tr. 786.

- *Cột kinh Phật thời Đinh thứ hai ở Hoa Lư*. Trong cuốn: *Theo dấu các văn hoá cổ*. Nxb. KHXH, Hà Nội 1997, tr. 816.

Lý Công Uẩn lên ngôi vua, chuyển kinh đô từ Hoa Lư về kinh thành Đại La, sau đổi tên thành Thăng Long (Thủ đô Hà Nội ngày nay). Hoa Lư không còn là một trung tâm kinh tế chính trị của cả nước nữa song vẫn là một trung tâm Phật giáo vào các thời đại sau. Một trong những phát hiện quan trọng đó là tấm bia thời Trần trên núi Dục Thúy.

Tấm bia này đã có nhiều bản dịch và đã được giới thiệu trong kho tàng văn bản Hán Nôm, trong bài viết này, chúng tôi không chuyển tải nguyên văn bản dịch đó mà mượn bản dịch này để nói về một vấn đề khác mà ta tạm gọi là sự xung đột của hai hệ thống tư tưởng Nho và Phật trong lịch sử dân tộc thời Lý - Trần.

Ở tháp Linh Tế dựng năm 1091 từ nhà Lý đến nhà Trần có tu bổ lại, trên núi Dục Thúy tỉnh Ninh Bình, xưa có bài bi kí của Trương Hán Siêu, viết như sau:

“Ta nghĩ ông Thích Ca, ông Lão Tử lấy lẽ tâm không mà chứng đạo. Sau khi tịch diệt, đến lúc đời cùng có một số người giả danh tôn sùng Phật giáo để huỷ hoại chúng sinh. Chùa chiền chiếm 1/5 trong nước, làm cho hư nát đạo thường, hao phí tiền của, dẫn dắt bao người u tối nhắm mắt hòa theo, ngây ngây mà đi, ngẩn ngẩn mà đến, bảo rằng không hoá thành yêu ma, gian trá thực hiểm có vậy. Vả lại còn làm ác nữa sao nên. Tuy nhiên, nhà sư Trí Nhu đây là người theo hâu sư Phổ Tuệ, hiểu sâu đến nỗi tuỷ đạo pháp của Trúc Lâm, gìn mình giữ nếp thật là khắc khổ. Sư có 3 điều: Giới - Định - Tuệ và giữ nắm tay không làm nên công việc lớn. Nghĩ đến việc đề gốc mây xếp hòn đá, từ tắc mà thước, mà trượng, một bước tiến lên một bước, một tầng cao thêm một

tầng, cho đến lúc vọi vọi đứng sừng, thế ngất trời xanh, thêm vẻ hùng tráng cho non sông, sánh công xây dựng cùng tạo hoá, thì há rằng bao kẻ tu hành tầm thường khác có thể so bì được. Ôi sau đây lại mấy trăm năm, biến tan trong khoảng cúi ngửa, sẽ có kẻ như ta buông tiếng thở dài, biết đâu chẳng còn ai như bọn nhà sư Trí Nhu này, thì hỏi ta ắt chắc gì? đến như non xanh nước biếc, bóng tháp in dòng, thuyền nhỏ trời chiều, lênh dênh mặt nước. Đẩy mũi thuyền ra trông phong cảnh, gõ mái chèo hát khúc Trương Lương. Tìm gió mát của Tử Lăng trong một sợi dây câu: hỏi ước cũ Đào Chu trong năm hồ khói sóng. Cảnh ấy lòng này, duy có ta cùng non sông ấy cùng biết mà thôi”⁽²⁾.

Trương Hán Siêu là một trong những danh nho được thờ trong Văn Miếu Việt Nam cùng với Chu Văn An, Lê Quát và Đỗ Tử Bình. Các nhân vật này sinh ra và lớn lên vào cuối thời Trần khi mà đạo Phật có nhiều lúc suy vi, Nho học đã có nhiều dịp phát triển nên việc bài xích Phật giáo không chỉ thấy ở bia Núi Dục Thúy mà còn ở một bia đá khác.

Trương Hán Siêu có bài minh văn cho chùa Khai Nghiêm, tỉnh Bắc Giang viết:

“Nguyên lai sự bày ra tượng thờ từ họ Phù Đồ dùng làm phương tiện để độ cho người ta. Bởi vì nhà Phật muốn kẻ ngu không biết, kẻ mê không giác tới đấy để hồi hướng vào cõi giải hết nghiệp báo. Rồi thì bọn tín đồ xảo quyệt bỏ mất bản ý khổ hạnh hư không chỉ cốt chiếm lấy vườn danh tiếng, cảnh trí đẹp, nơi ở vàng ngọc, quần chúng đông đúc như tượng như voi.

2. *Tang Thương ngẫu lục*. Bản dịch của Đạm Nguyên. Bộ Quốc gia giáo dục xuất bản năm 1962.

Thời bấy giờ có bọn hào hữu tin theo hưởng ứng cho nên trong thiên hạ chỗ nào đất tốt cảnh đẹp thì chùa chiền chiếm mất phần nửa, lũ lượt theo đi ở chùa, không cấy mà no, không dệt mà có mặc, bọn thất phu thường bỏ nhà cửa bỏ làng nước mà theo như cỏ bị gió lướt.

Than ôi Thánh Nho xa rồi, Đạo Nho không được làm cho sáng, làm thầy làm quan đã không được như ông Chu, ông Thiệu để hướng dẫn phong hoá; trong châu huyện làng xóm thì không có trường học để dạy nghĩa hiếu để, làm sao người ta không tìm vào đạo khác, ấy cũng vì cái thế khiến nên vậy”.

Cũng tại Bắc Giang có hai làng Như Ngột và Giáp Thứ, có chùa Khai Nghiêm do công chúa Nguyệt Sinh đời Lý làm ra, còn lưu lại tấm bia của Trương Hán Siêu như sau:

“Địa thế chùa ấy thì phía nam có núi Tiên Châu, phía bắc có sông Thoái Bộc, hình thảng tự ở một chỗ này, quy mô hồi trước chưa đồ nát mấy.

Mới đây có viên quan Hoả đầu trong nội tên là Chu Tuế xướng xuất người làng hết sức tu bổ. Từ năm Quý Dậu, niên hiệu Khai Hựu (1333) thứ năm, đến năm Ất Hợi thứ bảy (1335) thì làm xong. Phật điện tăng phòng đều theo như kiểu cũ. Ngày lễ khánh thành già trẻ xú ấy đều chấp tay khen ngợi, cho là như Bà Sinh sống lại vậy.

Mùa đông năm Mậu Dần (1338) ông ở Thiên Trường lại xin tôi một bài văn bia và nói: Chùa xưa nay vẫn có chuông nay mới dựng bia nếu không chép sự thực thì sợ mất dấu cũ. Tôi bảo: Chùa đồ nát mà làm lại đã không phải ý muốn của tôi, dựng bia mà khắc việc, tôi còn biết nói gì?

Vả nay Thánh triều muốn có cơn gió lớn để cứu tục hư, mê tín dị đoan nên bỏ, chính đạo nên bày. Làm kẻ sĩ phu không phải đạo của Nghiêu Thuấn thì không bày tỏ, không phải đạo của Khổng Mạnh thì không trước thuật. Trở lại bép xép về đạo Phật, tôi biết đối ai? Tuy nhiên ông Tuế vốn là quan trong Viện Nội mật, tập sự bên Tàu, đến tuổi già không ưa đường sĩ hoạn, ham bố thí, từ chối bổng lộc lui về. Điều ấy tôi thực mong muốn bắt chước học đòi mà chưa có thể được, nên có bài này”.

Cùng cảnh với Trương Hán Siêu, Lê Quát trong bài bia cho chùa Thiên Phúc, làng Bái, tỉnh Bắc Giang viết như sau:

“Nhà Phật có thuyết hoạ phúc cảm động lòng người, sao mà được người ta tin tưởng sâu xa bền bỉ thế? Trên từ hàng vua chúa, dưới đến nhân dân, phạm có việc gì quan hệ đến phụng sự Phật thì dù có đem hết tài sản cũng không chút so kè bủn xỉn. Nếu ngày nay đem cúng gửi vào công việc dựng chùa xây tháp thì vui vẻ làm ngay như cầm chắc được sự bảo đảm của sự báo ứng ngày mai vậy. Cho nên từ trong kinh đô tới ngoài quận huyện, hang cùng ngõ hẻm chẳng bảo mà theo, chẳng thề mà tin. Hễ ở đâu có nhà ở thì có chùa thờ Phật, bỏ đi lại dựng lên, phá đi lại xây lại. Chuông trống lâu dài so với nhà ở của nhân dân chiếm mất phần nửa. Sự phồn thịnh thực là dễ dàng, mà lòng tôn sùng thật là sâu rộng. Tôi ít đọc sách nhớ lại những điều cổ kim cũng thô sơ biết được cái đạo của Thánh Nho về phép giáo hóa nhân dân mà kết cục không đủ cho một lòng tin cậy. Tôi thường đi du ngoạn sông núi, vết chân lê khắp đất nước, tìm xem có đâu là Văn Miếu, Học cung thì chưa từng được mục kích. Điều ấy làm tôi

lấy làm hổ thẹn với tín đồ nhà Phật lắm vậy. Xin bệch bạch mấy hàng”⁽³⁾.

Đây thực là một sự thú nhận công khai của danh Nho đời Trần rằng Nho giáo tuy thực tiễn mà không đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng tâm linh của nhân dân Việt Nam bằng Phật giáo. Nhân dân không thể mãn nguyện với chủ trương “chưa biết sống làm sao biết chết” hay chưa phụng sự được người làm sao có thể phụng sự được quỷ thần của Nho giáo. Vấn đề sống chết quỷ thần vốn làm cho con người xưa nay thắc mắc, không thể nào giải quyết bằng lối gặt đi như Khổng Tử đã giải quyết. Cho nên nhân dân chỉ tìm thấy sự thoải mái ở tín ngưỡng Phật giáo đem lại cho họ mà thôi. Đây cũng là lí do thất bại của sự bài Phật ở một danh Nho thời ấy, ngang hàng Chu Văn An và Trương Hán Siêu vậy.

Tìm hiểu sâu đôi chút về tinh thần Nho học thời nhà Trần, qua ghi chép của sử sách chúng ta được biết:

Thời Trần bắt đầu với Trần Thái Tông nêu cao tinh thần tâm linh thực hiện để tổng hợp Tam giáo, Nho, Đạo, Phật, lấy làm tinh thần quốc học Việt Nam, cho nên đồng thời có các kì thi tuyển lựa nhân tài bằng khoa Thái học sinh lại cũng có thi Tam giáo để thông hiểu cả ba giáo lí lớn ở Đông Phương. Cả ba giáo lí ấy đều khoát mẫu sắc Việt Nam để thích ứng với điều kiện sinh tồn của dân tộc. Phật giáo thì có khuynh hướng “Nhập thế vào đời” một cách rõ rệt như đã thấy ở Thái Tông. Nho giáo thì có khuynh hướng “Cùng lí chính tâm” thuộc về đức chính tâm linh thực hiện không vụ từ chương cũng không luân lí thực tiễn, như đã thấy ở Chu Văn An. Còn về Đạo giáo thì xem đề thi văn sách Đạo Lão thời ấy, trong đó

có câu hỏi: “Muốn cho đời này, muốn cho dân này đều vào trong Đài Xuân bước lên Cõi Thọ thì phải dùng thuật gì để dạy? Đáp án có đoạn kết rằng: Bậc đại phạm gương mẫu cứu dân vẫn đã có thuật thiêng, mà bụng yêu dân đều trong một lòng. Nếu trước hết chính lại lòng mình thì bọn tà mị không thể rục rịch”⁽⁴⁾. Trước hết chính lại thân thì khí tà không thể xâm phạm. Lòng đã chính rồi thì lấy đó ra ân cho dân, sống không thương tổn, đỡ thì không ngã, hậu đãi thì không khốn khó, như thế nhân dân ai nấy được toại nguyện giàu thọ yên vui. Thân đã Chính rồi, lấy để giúp dân chúng, kẻ nguy được yên, kẻ chìm đắm được cứu, kẻ chết đi sống lại, như thế thì nhân dân chung vui ơn sáng khí hoà. Như thế thì đời này, nhân dân hớn hở trèo lên Đài Xuân, được vui mừng bước vào Cõi Thọ. Ấy mới là “dài lâu mệnh mạch của dân sinh mạnh mẽ nguyên khí của quốc gia”⁽⁵⁾.

Nhưng rồi chẳng bao lâu, sau triều Nhân Tông, vì ảnh hưởng của Tống Nho độc tôn bên nhà Tống, mà Việt Nam đã có kẻ trong làng Nho lên tiếng bài Phật, hay biểu lộ cái tinh thần thực tiễn không tin quỷ thần.

Đời Minh Tông (1314-1329) có việc sử chép:

Đài quan dân số nói: Chúc Tế phụ là điều hòa âm dương trước hết. Trần Khắc Chung làm tế tướng không làm cho âm dương điều hoà, đến nỗi có nước lụt và

3. Nguyễn Đăng Thực. *Đại quan tư tưởng thời đại nhà Trần (1225-1400)*. Trong cuốn: *Việt Nam khảo cổ tập san*, số VII Sài Gòn 1974, tr. 225.

4. Xem thêm: Nguyễn Đăng Thực. *Sđd*.

5. Xem thêm: Nguyễn Mạnh Cường - Nguyễn Thị Hồng Hà. *Nho giáo Đạo học trên đất Kinh kỳ* (Thăng Long- Đông Đô - Hà Nội), Nxb. Văn hoá 2007.

đại hạn. Không làm được công trạng gì, xin bãi chức Khắc Chung.

Khắc Chung nói: “Tôi làm chức quan gần Vua, chỉ biết làm điều gì đáng làm, còn như đại hạn thì nên hỏi Long Vương (Thủy Thần). Tôi có phải Long Vương đâu mà quy lỗi cho tôi thế nào được?”

Sau nước sông lên to, Vua thân đi sửa trị đê, Đài quan nói rằng: “Bệ hạ nên sửa sang chính đức”.

Khắc Chung nói: Dân đang bị nạn lụt, việc cứu chữa cần cấp lắm, còn có đức chính nào hơn việc ấy nữa? Tất phải ngồi yên định thần mới gọi là tu đức chăng?⁽⁶⁾

Xét đoạn đối thoại giữa quan Ngự sử và quan Tể tướng, đủ thấy không khí học thuật trong giới trí thức quanh nhà Vua lúc ấy khác xa nhau lắm. Một đảng tin âm dương pháp thuật, một đảng là thực tiễn; một đảng chủ tĩnh, một đảng chủ động, đó là manh nha phong trào bài bác Phật giáo, Nho sĩ về cuối đời Trần.

Sự thực bài bác này đã có từ cuối thời Lý với Đàm Dĩ Mông, vì trong dân gian cũng như ở nhà Vua phương diện tín ngưỡng hình thức dần dần phát triển lẫn cả tín ngưỡng tâm linh chân chính của đạo Phật cũng như ở Đạo giáo. Vậy nên khi bước sang thời Trần, Vua Trần Nhân Tông khi xuất gia, thăm các chùa trong nước đã có lệnh cấm không thờ các dân thần, bỏ các dân từ. Vậy không lạ gì có sự bài bác mê tín dị đoan của Nho sĩ đối với tín ngưỡng Phật giáo, Đạo giáo đang chuyển tình trạng suy vi. Về điều ấy thì không có tôn giáo nào không có lúc thịnh lúc suy, kể cả Nho giáo. Bởi vậy mà phong trào bài bác Phật giáo của Nho sĩ thời Trần cũng chỉ như thời Lý là bài bác hình thức suy đồi chứ không đi sâu vào trong giáo lí.

Trước hết trong Sử Bình của Lê Văn Hưu dâng Vua Trần Thánh Tông bộ sử đầu tiên của người Việt vào năm 1272, tức bộ *Đại Việt sử kí*, trong ấy tác giả phê bình việc Lý Thái Tông ban ấn tước (1043) cho Nùng Trí Cao làm loạn ở đất Quảng Nguyên mà không giết, có so sánh cử chỉ đại lượng của nhà Vua cho là đắm chìm vào cái đức nhân nhỏ của Phật giáo mà quên đi cái nghĩa lớn của quốc gia. Nhà Nho Lê Văn Hưu đã cố chắp vào tư tưởng luân lí thực tiễn về Quốc gia đóng cửa của Nho giáo cho nên mới bảo lòng từ bi bác ái đối với tất cả chúng sinh của Phật là “đức nhân nhỏ”. Phải chăng ông đã chịu ảnh hưởng của cái học Tống Nho chủ trương “Tịch dị đoan”.

Với việc thiết lập chế độ khoa cử thi Thái học sinh đến đời Trần Duệ Tông (1374) đổi làm Tiến sĩ, cái học Trình Chu của đời Tống Nho bắt đầu truyền bá vào Việt Nam trong giới sĩ phu đương thời. Nhưng bởi vì thuyết nhân quả báo ứng của nhà Phật đã thâm nhập và ăn vào cốt tuỷ người Việt; Phật giáo trong dân gian vẫn chiếm địa vị ưu thế, áp đảo tất cả các khuynh hướng tư tưởng khác, cho nên Nho sĩ Việt Nam tuy chịu ảnh hưởng của tư tưởng bài Phật của Tống Nho đương thời kết cục cũng vẫn khoanh tay trước Phật giáo. Bằng chứng hiển nhiên là Nho sĩ cự phách chủ trương bài Phật thời bấy giờ như Lê Quát, Trương Hán Siêu cũng để lại những bài văn bia về Phật giáo.

Những sự kiện trên đây chứng minh rõ ràng Nho sĩ Việt Nam thời Trần danh tiếng như Lê Bá Quát, Trương Hán Siêu có tiếng là cầm đầu chủ trương bài bác Phật giáo, mà kì thực chỉ là bài trừ dị

6. Xin xem thêm: *Đại Việt tiêu án, chép năm đại Khánh thứ 2 (1316, tháng 6)*.

doan mê tín, bài bác cái thói buôn thần bán thánh mà ở tôn giáo nào cũng có, nhất là về buổi suy vi, chứ thực tế mà nói thì các Nho sĩ ấy vẫn khâm phục giáo lí Phật giáo chân chính.

Nói chung thì tư tưởng Tam giáo hay hợp nhất hoặc điều hoà vẫn là tư tưởng phổ thông từ trên triều đình xuống đến tận dân gian. Tuy nhiên tùy theo bình diện ý thức mà có khuynh hướng Nho giáo mạnh hơn, có khuynh hướng Đạo giáo thần tiên hay Phật giáo mạnh hơn. Bởi thế mà buổi tráng niên đang hăng hái với hoạt động nhân sinh thực tiễn thì sĩ phu Việt Nam thường hay đứng ở bình diện ý thức Nho, đến khi có tuổi, họ ít ham muốn về nhân sinh thực tiễn nữa, họ lại vươn tới bình diện ý thức thiên nhiên và siêu nhiên của Đạo giáo hay Phật giáo. Bởi vậy mà Trương Hán Siêu hay Trần Thời Kiến buổi văn niên lại rủ nhau mộ Phật, một phần lớn thơ văn đều ôm tư tưởng nhân bản từ bi, đủ thấy người buổi ấy không theo đạo, nhưng vẫn tiềm ẩn tư tưởng Phật học mạnh mẽ⁽⁷⁾.

*

* *

Cho dù sau năm 1428, khi Lê Lợi lên ngôi vua, nhà Lê đã dùng Nho giáo như

một hệ tư tưởng bệ đỡ cho triều đại của mình thì Phật giáo vẫn tồn tại mãi trong lòng dân chúng và trí thức của nước Đại Việt.

Tôi rất tâm đắc với câu trả lời của một vị giáo sư người Mỹ theo Phật giáo Alex Bersin khi được hỏi: *Đạo Phật có phải là một tôn giáo không?*

Đáp: Tôn giáo không phải là một hệ thống tín ngưỡng xây dựng xung quanh một Thượng Đế sáng tạo. Đó chỉ là một định nghĩa hẹp của tôn giáo và cũng không phải là điều mà nhiều nhà lãnh đạo tôn giáo trên thế giới muốn định nghĩa nó. Đúng hơn, đó là một hệ thống những niềm tin nhằm giúp đỡ con người trong đời sống hiện tại cũng như tương lai, và để củng cố tình nhân loại. Nếu thế, chúng ta có thể nói đạo Phật là một tôn giáo⁽⁸⁾.

Và tôi cũng chỉ xin nói thêm rằng, cho dù thế sự có nhiều xoay vần thì đạo Phật vẫn là một tôn giáo luôn tồn tại với thời gian./.

7. Xem thêm: Nguyễn Đồng Chi. *Cổ văn học sử*, tr. 188, Nxb. Hàn Thuyên.

8. Xem thêm bài: *Đạo Phật trong thế kỉ XX*. Bài trả lời phỏng vấn của GS. Alex Bersin, giảng viên trường Đại học Tân gia ba, ngày 10 tháng 8 năm 1988.